

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 17-10-2019.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ái Hòa;

Ông Nguyễn Quang Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 596/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Kim V, sinh năm 1981; có mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Phan Văn H, sinh năm 1976; có mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Kim V trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau vào năm 1996, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Khi cùng chung sống, chị về sống chung nhà của cha mẹ anh H tại ấp T, xã A, huyện Trảng Bàng. Chị làm công nhân, anh H làm nghề tự do, kinh tế độc lập với gia đình chồng. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị nghi ngờ anh H có mối

quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi và anh H luôn nghi ngờ vô cớ việc chị có quan hệ tình cảm với người khác. Do đó, vợ chồng không còn quan tâm nhau, cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp, không còn hạnh phúc. Vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 7-2019 đến nay, chị đã ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Phan Quốc T, sinh ngày 16-3-2000 và cháu Phan Diễm D, sinh ngày 21-4-2009. Hiện tại cháu T và cháu D đều rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, cháu T đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Văn H trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị V về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn là đúng. Tuy nhiên, anh không có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác như chị V trình bày. Năm 2017, vợ chồng anh bắt đầu xảy ra mâu thuẫn là do chị V chơi cờ bạc dẫn tới nợ nần và anh nghi ngờ chị V có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác vì anh thường thấy chị V nói chuyện điện thoại với người này rất tình cảm. Bên cạnh đó, trong quá trình chung sống, chị V không lo lắng cho gia đình, luôn làm theo ý mình, thường xuyên có lời lẽ thiếu tế nhị và thiếu tôn trọng mẹ anh. Anh đã nhiều lần khuyên can vì muốn xây dựng gia đình tốt hơn nhưng chị V vẫn không thay đổi. Anh xác định vợ chồng anh không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nay anh đồng ý ly hôn chị V.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu Phan Quốc T, sinh ngày 16-3-2000 và cháu Phan Diễm D, sinh ngày 21-4-2009. Khi ly hôn, cháu T đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Anh đồng ý để chị V được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Kim V và anh Phan Văn H.

Về con chung: Cháu Phan Quốc T, sinh ngày 16-3-2000 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Giao chị V tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phan Diễm D, sinh ngày 21-4-2009. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và tự sống ly thân từ tháng 7-2019 đến nay. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị V và anh H mất lòng tin về tình cảm đối với nhau, dẫn đến vợ chồng bất hòa, không tin tưởng và thông cảm cho nhau. Tại phiên tòa, chị V vẫn giữ yêu cầu được ly hôn và anh H cũng đồng ý ly hôn.

Mặt khác, kết quả xác minh của Ủy ban nhân xã A, huyện Trảng Bàng xác nhận chị V chung sống với anh H nhưng không đăng ký kết hôn. Đồng thời, tại phiên tòa, chị V và anh H đều xác định việc anh, chị từ khi chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân của chị V và anh H là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh H là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Chị V và anh H có 02 người con chung là cháu Phan Quốc T, sinh ngày 16-3-2000 và cháu Phan Diễm D, sinh ngày 21-4-2009.

Cháu T đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Cháu D hiện đang sống cùng anh H. Tại phiên tòa, chị V

yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D và anh H đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu D có nguyện vọng được theo sống cùng với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao chị V được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D; ghi nhận chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Kim V và anh Phan Văn H.

2. Về con chung: Cháu Phan Quốc T, sinh ngày 16-3-2000 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Anh Phan Văn H có nghĩa vụ giao cháu Phan Diễm D, sinh ngày 21-4-2009 cho chị Đặng Kim V được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Đặng Kim V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017513 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thư